

Xylanh tiêu chuẩn
DSBG-...-250- -
Số bộ phận: 2732003

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	1 mm...2250 mm
Ø pít tông	250 mm
Ren thanh pít tông	M42x2 M42 M36x2 M30x2 M30 M27x2 M27 M24
Dựa trên tiêu chuẩn	ISO 15552
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được
Vị trí lắp đặt	bất kì
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 15552
Đầu thanh piston	Ren ngoài Ren trong
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Thanh kéo Thân vỏ xy lanh
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Ren ngoài thanh pít-tông kéo dài Ren trong trên thanh piston Ren đặc biệt trên thanh pít tông Thanh pít tông kéo dài Bảo vệ chống ăn mòn cao Ty pít tông liền mạch Vòng bít chịu nhiệt tối đa 120 °C Vị trí lắp xoay có vít Đỉnh tán ở mặt tấm cuối Đỉnh tán ở cả hai bên Đỉnh tán ở phía nắp ổ trục Biến độ dài chốt Ren ngoài thanh pít-tông rút ngắn thanh pít-tông một mặt cho các công tắc gần
Áp suất vận hành	0.06 MPA...1 MPA 0.6 bar...10 bar

Đặc tính	Giá trị
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	c T4
Loại chống cháy nổ Bụi	c T120°C
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-20°C ≤ Ta ≤ +60°C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải 3 - ứng suất ăn mòn mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...120 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	4.2 J...7.2 J
Chiều dài đệm	55 mm
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	28274 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	28274 N...29452 N
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Nhôm đúc, trắng
Vật liệu con dấu piston	FPM NBR
Vật liệu pít tông	Nhôm đúc
Vật liệu thanh piston	thép hợp kim thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu ty pít tông-dụng cụ nạo kín	FPM NBR
Con dấu đệm vật liệu	FPM TPE-U (PU)
Vật liệu piston bộ đệm	Hợp kim nhôm rèn POM
Vật liệu vỏ xy lanh	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn
Vật liệu đai ốc	Thép, mạ kẽm thép hợp kim không gỉ
Vật liệu ổ trục	Đồng đỏ Kết hợp kim loại-polyme
Vật liệu đai ốc có bích	Thép, mạ kẽm thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu ty ren	thép hợp kim cao thép hợp kim không gỉ
Vật liệu đỉnh tán	thép hợp kim cao thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu Đổ gá xy lanh	Thép, mạ kẽm